
Bản án số: 60/2019/ DSST
Ngày 27/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Đinh Khắc Việt

2/ - Bà Nguyễn Thị Việt Tím

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư

Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/ TLST- DS ngày 02 tháng 07 năm 2019 Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A B

Địa chỉ: số 170 H B T, phường Đ K, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K – chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q, chức vụ: Phó tổng Giám đốc, theo văn bản ủy quyền số: 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A B.

Ông Nguyễn Mạnh Quân ủy quyền lại cho ông Dương Đồng T, chức vụ: Nhân viên ngân hàng TMCP A B làm đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số: 964/UQ-TGD.18 ngày 20/09/2018) (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương A**, sinh năm 1994 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp P H, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn D** (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp H T, xã M H S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP A B – Đại diện theo ủy quyền ông Dương Đồng T trình bày: Vào ngày 23 tháng 05 năm 2016, bà Nguyễn Thị Phương A có đến Ngân hàng TMCP A B vay số tiền gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 155/16/TD/XXIII ngày 23/05/2016; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 12 tháng; kể từ ngày 23/05/2016 đến ngày 23/05/2017; lãi suất cho vay 11,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân Hàng TMCP A B.

Lãi quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 494/13/TC/XXIII ngày 28/11/2013 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang ngày 28/11/2013 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang ngày 28/11/2013. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: SĐBS.01-494/13/TC/XXIII ngày 23/05/2016 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang ngày 23/05/2016, với tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là:

Quyền sử dụng đất diện tích 7.675m², thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BR 024096 (số vào sổ cấp GCN: CH01308) do UBND huyện H Đ cấp ngày 25/10/2013 đứng tên bà Nguyễn Thị Phương A. đất tọa lạc tại: ấp H T, xã M H S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang.

Tài sản thế chấp trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất đai huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang ngày 28/11/2013.

Trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị Phương A chỉ thanh toán nợ Ngân hàng số tiền gốc là 1.500.167đ (một triệu năm trăm nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) và đóng tiền lãi cho Ngân hàng số tiền là 8.240.614đ (tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn sáu trăm mười bốn đồng). Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở bà Phương A và bà Phương A cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng bà Phương A vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP A B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương A trả nợ cho ngân hàng TMCP A B số tiền gốc và lãi là 202.335.518đ (hai trăm lẻ hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm mười tám đồng) – theo bảng kê tính lãi đến ngày 25/11/2019 bút lục số 87), trong đó nợ gốc là 148.499.602đ (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm lẻ hai đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 25/11/2019 là 408.014đ (bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm mười bốn đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/11/2019 là 53.427.902đ (năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm lẻ hai đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Phương A có nghĩa vụ thanh toán nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP A B, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Nguyễn Thị Phương A trả hết nợ cho ngân hàng TMCP A B.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Phương A không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP A B yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP A B theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 494/13/TC/XXIII ngày 28/11/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: SĐBS.01-494/13/TC/XXIII ngày 23/05/2016 để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A trình bày: Theo bản tự khai ngày 21/10/2019 của bà Nguyễn Thị Phương A trình bày như sau: Tôi thừa nhận có nợ Ngân hàng TMCP A B số tiền gốc là 148.499.602đ (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm lẻ hai đồng) và lãi phát sinh. Tính đến ngày 21/10/2019 tôi nợ tổng cộng số tiền gốc và lãi là 199.879.188đ (một trăm chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín

ngàn một trăm tám mươi tám đồng). Trong đó tiền gốc là 148.499.602đ (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm lẻ hai đồng), lãi trong hạn là 408.014đ (bốn trăm lẻ tám ngàn không trăm mười bốn đồng), lãi quá hạn là 50.971.556đ (năm mươi triệu chín trăm bảy mươi một ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng).

Riêng phần đất hai lúa diện tích 7.675 m², tại tờ bản đồ số 3, thửa đất số 137, được UBND huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang cấp GCNQSDĐ số: BR 024096 ngày 25/10/2013 do tôi Nguyễn Thị Phương A đứng tên trên GCNQSDĐ, phần đất tọa lạc tại ấp H T, xã M H S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang. Phần đất trên tôi đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP A B để vay tiền nhưng hiện nay tôi không canh tác lúa phần đất trên mà do chú ruột của tôi là ông Nguyễn Văn D canh tác lúa phần đất trên.

Nay tại Tòa án tôi yêu cầu xin được qua xét để trả nợ dần cho Ngân hàng TMCP A B số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/10/2019 là 199.879.188đ (một trăm chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn một trăm tám mươi tám đồng), mỗi 03 tháng tôi trả số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày: do ông Nguyễn Văn D vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Nguyễn Thị Phương A với tư cách là bị đơn và ông Nguyễn Văn D với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay bà Phương A và ông D vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và

tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Phương A và ông Nguyễn Văn D là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP A B với bà Nguyễn Thị Phương A là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[2] Xét yêu cầu của ông Dương Đồng T cho thấy. Tại thời điểm vào ngày 23/05/2016 bà Nguyễn Thị Phương A có vay của Ngân Hàng TMCP A B số tiền gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 155/16/TD/XXIII ngày 23/05/2016, lãi suất cho vay là 11,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân Hàng TMCP A B, lãi quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn.

Nay ông Dương Đồng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương A trả cho Ngân Hàng TMCP A B số tiền gốc là 148.499.602 (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm lẻ hai đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 25/11/2019 là 408.014đ (bốn trăm lẻ tám nghìn không trăm mười bốn đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25/11/2019 là 53.427.902đ (năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm lẻ hai đồng) – (theo bảng kê tính lãi bút lục số 87). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 202.335.518đ (hai trăm lẻ hai triệu ba trăm ba mươi

lăm nghìn năm trăm mười tám đồng) và yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương A có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP A B, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Nguyễn Thị Phương A trả hết nợ cho ngân hàng TMCP A B. Lời yêu cầu của ông Dương Đồng T phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương A yêu cầu xin được qua tét để trả nợ dần cho Ngân hàng TMCP A B số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/10/2019 là 199.879.188đ (một trăm chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn một trăm tám mươi tám đồng), mỗi 03 tháng tôi trả số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi hết nợ. Lời yêu cầu của bà Phương A thì không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trong vụ án này bà Phương A là người vay tiền của Ngân hàng TMCP A B số tiền gốc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), khi đến hạn thì bà Phương A là bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay là Ngân hàng TMCP A B. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Mặt khác theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy bác lời khai nại của bà Nguyễn Thị Phương A.

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D trong vụ kiện này, do ông D vắng mặt không lý do tại phiên tòa hôm nay mặc dù trước đó Tòa án tổng đạt thông báo về việc thực hiện yêu cầu độc lập cho ông Nguyễn Văn D và Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về

việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Văn D nhưng ông D đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy ông D không thể thực hiện quyền yêu cầu độc lập trong vụ án này, ông D sẽ thực hiện quyền yêu cầu của mình trong một vụ kiện khác.

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP A B được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP A B không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A B số tiền là 4.287.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003438 ngày 01/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương A phải nộp: $202.335.518đ \times 5\% = 10.116.775đ$ tính tròn là 10.117.000đ (mười triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A B.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương A.

4/ Buộc bà Nguyễn Thị Phương A trả cho Ngân hàng TMCP A B tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 202.335.518đ (hai trăm lẻ hai triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Phương A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số: 155/16/TD/XXIII ngày 23/05/2016 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A B thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Phương A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A B.

5/ Sau khi bà Nguyễn Thị Phương A trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A B thì Ngân hàng TMCP A B có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: BR 024096 (số vào sổ cấp GCN: CH01308) do UBND huyện H Đ cấp ngày 25/10/2013 đứng tên bà Nguyễn Thị Phương A, Quyền sử dụng đất diện tích 7.675m², thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp H T, xã M H S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP A B làm đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Phương A không trả số tiền trên thì Ngân hàng TMCP A B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BR 024096 (số vào sổ cấp GCN: CH01308) do UBND huyện H Đ cấp ngày 25/10/2013 đứng tên bà Nguyễn Thị Phương A, quyền sử dụng đất diện tích 7.675m², thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp H T, xã M H S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang để thu hồi nợ.

6/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Nguyễn Thị Phương A nộp 10.117.000đ (mười triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A B số tiền là 4.287.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003438 ngày 01/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP A B biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Nguyễn Thị Phương A, ông Nguyễn Văn D biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật